

Số: 51../2023/CBTT-TVC

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC,
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý tài sản Trí Việt

Mã chứng khoán: TVC

Trụ sở chính: Số 142 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024. 3772 4999

Fax: 024. 6273 2058

Người thực hiện công bố thông tin: **Bà Nguyễn Thị Hằng**

Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☒ định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2023 đã được soát xét của Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý tài sản Trí Việt;
- Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm ngoái.

Thông tin này được công bố trên trang điện tử Công ty vào ngày 28../08./2023 tại đường dẫn <http://tcorp.vn/danh-muc-qhcd/bao-cai-tai-chinh/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 28. tháng 08 năm 2023
Người đại diện theo pháp luật



Nguyễn Thị Hằng

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ VIỆT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 52./2023/CBTT-TVC

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý tài sản Trí Việt thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính bán niên 2023 đã được soát xét với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: TVC
- Địa chỉ: Số 142 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
- Điện thoại liên hệ/Tel: 024.3772 4999 Fax: 024.6273 2058
- Email: Contact@tcorp.vn Website: <http://tcorp.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm 2023 đã được soát xét:

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có: 



☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 28./08./2023 tại đường dẫn: <http://tcorp.vn/danh-muc-qhcd/bao-cao-tai-chinh/>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2023.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch: **Không có**

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất): **Không có**

- Ngày hoàn thành giao dịch: **Không có**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố. 

Tài liệu đính kèm:

- BCTC hợp nhất bán niên năm 2023 đã được soát xét;
- Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trong Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2023 so với cùng kỳ năm ngoái.

Đại diện tổ chức 

Người đại diện theo pháp luật



Nguyễn Thị Hằng

Số: 86/2023.../CV-TVC

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

V/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN của Báo cáo tài chính hợp nhất đã soát xét 6 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm trước.

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý tài sản Trí Việt
Trụ sở chính: Số 142 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.3722.4999 Fax: 024.6273.2058

Thực hiện thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán, Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt xin giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất đã soát xét 6 tháng đầu năm 2023 với Báo cáo cùng kỳ năm trước cụ thể như sau:

Nội dung	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022	Mức chênh lệch	Biến động %
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.082.419.675	94.027.138.317	(63.944.718.642)	-68%
Giá vốn hàng bán	13.031.388.940	20.715.954.614	(7.684.565.674)	-37%
Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	330.179.837	42.136.700.203	(41.806.520.366)	-99%
Chi phí tài chính, Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp và Chi phí khác	(224.061.303.391)	366.098.557.511	(590.159.860.902)	-161%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	241.442.513.964	(257.997.713.910)	499.440.227.874	194%

6 tháng đầu năm 2023 doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 63,94 tỷ đồng, tương ứng giảm 68% so với 6 tháng đầu năm 2022 do doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán và hoạt động cho vay margin giảm. Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác giảm 41,80 tỷ đồng, tương ứng giảm 99% do lãi từ các khoản đầu tư chứng khoán giảm. Chi phí tài chính và các chi phí hoạt động khác giảm 590,16 tỷ đồng, tương ứng giảm 161% so với 6 tháng đầu năm 2022 là do Công ty đã hoàn trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Do đó, lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2023 tăng 499,44 tỷ đồng, tương ứng tăng 194% so với cùng kỳ năm 2022.

Trên đây là một số nguyên nhân chủ yếu dẫn đến biến động trong kết quả lợi nhuận kinh doanh sau thuế của kỳ báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm trước mà Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý tài sản Trí Việt giải trình để Quý Cơ quan được biết.

Trân trọng!

Nơi nhận: - Như trên;
- Lưu VP HĐQT.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN QUẢN LÝ
TÀI SẢN TRÍ VIỆT
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
QUẢN LÝ TÀI SẢN
TRÍ VIỆT
Q. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI
LONG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Hằng

Số: 87.1.2023.../CV-TVC

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

V/v: Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ và nhấn mạnh
trong BCTC hợp nhất bán niên đã soát xét năm 2023.

Kính gửi:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý tài sản Trí Việt

Trụ sở chính: Số 142 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.3722.4999

Fax: 024.6273.2058

Thực hiện thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt xin giải trình về ý kiến kiểm toán ngoại trừ và nhấn mạnh tại Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên đã soát xét năm 2023, cụ thể như sau:

1. Nội dung ngoại trừ: Ngoại trừ giá trị khoản phải thu khác tại ngày 30/06/2023 số tiền là 269,86 tỷ đồng; phải thu theo hợp đồng chuyển nhượng trái phiếu cho cá nhân khoảng 50,16 tỷ đồng; phải thu theo hợp đồng môi giới chứng khoán là 476,97 tỷ đồng và cơ sở trích lập dự phòng rủi ro tài chính đối với một số khoản phải thu này:

Công ty xin giải trình như sau: Nợ phải thu khác tại ngày 30/06/2023 với số tiền 269,86 tỷ đồng là các khoản chuyển cho đối tác bên ngoài theo các hợp đồng hợp tác đầu tư hưởng lợi nhuận cố định; khoản tiền 50,16 tỷ đồng phải thu tiền chuyển nhượng trái phiếu cho cá nhân phát sinh trong năm 2022 và 476,97 tỷ đồng là hợp đồng môi giới chứng khoán. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty sau khi xem xét một cách thận trọng về khả năng thu hồi đã quyết định trích lập dự phòng tổn thất một cách thận trọng với tỷ lệ 70% số dư nợ của một số khoản phải thu nêu trên với số tiền là 506,87 tỷ đồng và không trích lập dự phòng tổn thất với các khoản phải thu các cá nhân (có tổng dư nợ gốc khoảng 79,56 tỷ đồng) dựa trên cam kết thanh toán của các cá nhân này. Do ảnh hưởng không tốt của thị trường tài chính nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng nên việc thực hiện các hợp đồng hợp tác đầu tư chưa được đồng bộ, do đó Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến không thu thập được các bằng chứng kiểm toán hữu hiệu để đánh giá mục đích, đối tượng tham gia và giá trị còn lại các khoản nợ phải thu của các hợp đồng nêu trên, nên không đánh giá được về tính phân loại, trình bày, giá trị còn lại của các khoản nợ phải thu và giá trị dự phòng tổn thất cần trích lập đối với các khoản phải thu nêu trên tại ngày 30/06/2023, cũng như không đánh giá được ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 30/06/2023.

(Phản ý kiến ngoại trừ này đã được đưa ý kiến trên Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty).

2. Các vấn đề nhấn mạnh.

Về vụ án thao túng thị trường chứng khoán xảy ra tại Công ty cổ phần Louis Holding, Công ty cổ phần Louis Capital, Công ty cổ phần Louis Land, Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt:

Công ty xin giải trình như sau: Theo kết luận tại Bản án số 197/2023/HS-ST ngày 12/05/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, các cá nhân vi phạm chịu trách nhiệm hình sự và dân sự liên quan, trong đó Công ty cổ phần Tập đoàn quản lý Tài sản Trí Việt đã nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 14.156.982.509 đồng ngày 20/04/2023 và điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính năm



Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt

Địa chỉ: Số 142 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

2021 phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hiện tại công ty đã kiện toàn bộ máy nhân sự chủ chốt, tái cơ cấu và áp dụng các giải pháp nhằm ổn định hoạt động kinh doanh. Hội đồng quản trị khẳng định vấn đề nêu trên không ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty và việc tuân thủ quy định pháp luật kế toán, kiểm toán khi trình bày BCTC.

(Phần ý kiến nhấn mạnh này được đưa ý kiến trên Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty).

Trên đây là một số giải trình của Công ty về việc ý kiến kiểm toán ngoại trừ và nhấn mạnh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên đã soát xét năm 2023 gửi đến Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP HĐQT.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Hằng



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ VIỆT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023



Hà Nội, tháng 08 năm 2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Bà Phạm Thị Thanh Huyền	Chủ tịch - Đại diện theo pháp luật (Bổ nhiệm ngày 16/03/2023) Thành viên (Bổ nhiệm ngày 15/03/2023)
Ông Phạm Thanh Tùng	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 15/03/2023)
Bà Phạm Thanh Hoa	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 15/03/2023)
Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 15/03/2023)
Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24/06/2023)
Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Thành viên độc lập
Bà Nguyễn Thị Đình Hương	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 24/06/2023)

Ban Tổng giám đốc

Bà Nguyễn Thị Hằng	Tổng giám đốc - Đại diện theo pháp luật (Bổ nhiệm ngày 30/01/2023)
Ông Đỗ Thanh Hà	Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 30/01/2023)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng giám đốc,



Nguyễn Thị Hằng
Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Số: 167/2023/BCSX-AVI-TC1

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ VIỆT**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28/08/2023, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của Kết luận ngoại trừ

Số dư khoản phải thu khác trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2023 của Công ty bao gồm các khoản phải thu theo các hợp đồng hợp tác đầu tư với các đối tác bên ngoài với số tiền khoảng 269,86 tỷ đồng; phải thu theo hợp đồng chuyển nhượng trái phiếu cho cá nhân số tiền khoảng 50,16 tỷ đồng; phải thu theo hợp đồng môi giới chứng khoán là 476,97 tỷ đồng. Số dư phòng tổn thất được trích lập cho một số khoản phải thu nêu trên với số tiền khoảng 506,87 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ khoảng 70%; một số khoản phải thu của các cá nhân không được trích lập dự phòng. Tổng giá trị thuần của các khoản phải thu nêu trên tại ngày 30/06/2023 khoảng 290,12 tỷ đồng. Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán hữu hiệu để đánh giá về mục đích, đối tượng tham gia và giá trị còn lại của các khoản phải thu theo các Hợp đồng nêu trên, nên không thể đánh giá được về tính phân loại, trình bày, giá trị còn lại của các khoản nợ phải thu và giá trị dự phòng tổn thất cần trích lập đối với các khoản phải thu nêu trên tại ngày 30/06/2023, cũng như không đánh giá được ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty. Vấn đề này đã được chúng tôi đưa ý kiến ngoại trừ trên Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt tại ngày 30/06/2023 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã nêu tại thuyết minh số 31 trong Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất về vụ án thao túng thị trường chứng khoán xảy ra tại Công ty Cổ phần Louis Holdings, Công ty Cổ phần Louis Capital, Công ty Cổ phần Louis Land, Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt: Theo kết luận tại Bản án số 197/2023/HS-ST ngày 12/5/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, các cá nhân vi phạm chịu trách nhiệm hình sự và dân sự liên quan; Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt chịu trách nhiệm dân sự nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 14.156.982.509 đồng lợi ích nhận được từ các hợp đồng hợp tác đầu tư có liên quan. Khoản tiền trên đã được Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt nộp vào ngân sách Nhà nước ngày 20/04/2023 và đã điều chỉnh hồi tố vào Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021. Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, Công ty đã kiện toàn tổ chức hoạt động và nhân sự, tái cơ cấu hoạt động kinh doanh, ổn định tình hình tài chính. Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định vấn đề nêu trên không ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.



Vũ Bình Minh

Tổng giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0034-2023-055-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

MẪU SỐ B01a - DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.782.183.307.397	1.718.051.737.378
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	323.935.334.745	102.737.214.032
1. Tiền	111		58.935.334.745	52.737.214.032
2. Các khoản tương đương tiền	112		265.000.000.000	50.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.108.384.130.202	926.051.935.016
1. Chứng khoán kinh doanh	121	11	1.220.405.484.140	1.301.457.490.844
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	11	(112.021.353.938)	(375.405.555.828)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		345.972.477.183	684.943.484.279
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		408.868.851	375.717.714
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		665.260.650	1.768.309.263
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6	55.034.186.277	378.572.150.448
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	807.126.734.786	821.489.880.235
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(517.262.573.381)	(517.262.573.381)
IV. Hàng tồn kho	140		15.000.000	15.000.000
1. Hàng tồn kho	141		15.000.000	15.000.000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.876.365.267	4.304.104.051
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	1.093.054.147	2.322.126.500
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	2.783.311.120	1.981.977.551
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19.151.364.142	19.751.666.130
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		13.836.872.368	11.954.583.403
1. Phải thu dài hạn khác	216	10	13.836.872.368	11.954.583.403
II. Tài sản cố định	220		3.522.617.591	4.510.690.536
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	2.964.396.089	3.481.594.034
- Nguyên giá	222		10.447.363.785	10.447.363.785
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.482.967.696)	(6.965.769.751)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	558.221.502	1.029.096.502
- Nguyên giá	228		8.983.800.575	8.983.800.575
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.425.579.073)	(7.954.704.073)
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.791.874.183	3.286.392.191
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	7	1.580.284.244	3.039.793.735
2. Lợi thế thương mại	269		211.589.939	246.598.456
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.801.334.671.539	1.737.803.403.508

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B01a - DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		41.703.684.230	219.614.930.163
I. Nợ ngắn hạn	310		41.703.684.230	219.614.930.163
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		32.356.897	5.330.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		421.500.000	421.500.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	2.593.627.021	4.136.543.130
4. Phải trả người lao động	314		3.696.673.483	7.009.982.530
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	1.102.107.155	5.758.585.952
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	2.330.746.306	16.936.315.183
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	8.060.000.000	161.880.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		23.466.673.368	23.466.673.368
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.759.630.987.309	1.518.188.473.345
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	1.759.630.987.309	1.518.188.473.345
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.186.106.700.000	1.186.106.700.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.186.106.700.000	1.186.106.700.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		52.437.300.000	52.437.300.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		33.274.816.400	33.274.816.400
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		23.716.973.549	23.716.973.549
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		26.824.756.533	26.824.756.533
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(12.915.686.250)	(233.918.167.310)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(233.918.167.310)	448.779.480.913
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		221.002.481.060	(682.697.648.223)
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		450.186.127.077	429.746.094.173
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.801.334.671.539	1.737.803.403.508

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Người lập

Lê Thị Chinh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Thủy

Tổng giám đốc



Nguyễn Thị Hằng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

MẪU SỐ B02a - DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ so sánh
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	30.082.419.675	94.027.138.317
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		30.082.419.675	94.027.138.317
4. Giá vốn hàng bán	11	19	13.031.388.940	20.715.954.614
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.051.030.735	73.311.183.703
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	284.724.956	40.380.745.376
7. Chi phí tài chính	22	21	(247.893.720.153)	332.199.079.256
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.857.967.734	98.638.325.714
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	22	276.583.105	2.389.853.379
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	22.795.480.348	31.149.268.803
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		242.157.412.391	(252.046.272.359)
12. Thu nhập khác	31	23	45.454.881	1.755.954.827
13. Chi phí khác	32	24	760.353.308	360.356.073
14. Lợi nhuận khác	40		(714.898.427)	1.395.598.754
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		241.442.513.964	(250.650.673.605)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	-	7.539.545.867
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(192.505.562)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		241.442.513.964	(257.997.713.910)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		221.002.481.060	(226.321.930.308)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		20.440.032.904	(31.675.783.602)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.863	(1.908)

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Người lập

Lê Thị Chinh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Thủy

Tổng giám đốc



Nguyễn Thị Hằng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

MẪU SỐ B03a - DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ so sánh
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	241.442.513.964	(250.650.673.605)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.023.081.462	1.128.512.921
- Các khoản dự phòng	03	(263.384.201.890)	299.400.522.235
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(266.293.838)	(36.449.894.351)
- Chi phí lãi vay	06	4.857.967.734	30.962.834.236
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(16.326.932.568)	44.391.301.436
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	329.617.384.562	584.615.743.032
- Tăng, giảm khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(20.398.245.293)	(76.226.623.992)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.688.581.844	(726.166.882)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	81.052.006.704	(1.088.777.477.109)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(7.168.968.374)	(42.945.274.263)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.382.000.000)	(124.158.207.372)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(10.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	368.081.826.875	(703.836.705.150)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(187.245.454)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(3.281.417.676.666)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	6.670.000.000	4.305.454.714.007
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	266.293.838	55.022.553.357
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6.936.293.838	1.078.872.345.244
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	9.345.901.343.676
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(153.820.000.000)	(9.883.837.158.291)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(54.622.292.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(153.820.000.000)	(592.558.106.615)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	221.198.120.713	(217.522.466.521)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	102.737.214.032	483.546.478.085
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	323.935.334.745	266.024.011.564

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Lê Thị Chinh

Nguyễn Thị Thu Thủy

Nguyễn Thị Hằng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt (gọi tắt "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106065776 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/12/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 27/04/2023.

Tên giao dịch quốc tế của Công ty là Tri Viet Asset Management Corporation Joint Stock Company.

Tên viết tắt của Công ty là Tập đoàn Trí Việt.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất là 1.186.106.700.000 đồng tương ứng với 118.610.670 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội với mã cổ phiếu là TVC.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2023 là: 23 người (tại ngày 31/12/2022 là 24 người).

Trụ sở chính của Công ty tại số 142 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa phân vào đâu, tư vấn đầu tư;
- Đại lý môi giới đầu giá;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Dịch vụ thuê văn phòng; Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng các dự án nhà ở, văn phòng, khách sạn, trung tâm thương mại, siêu thị, khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu giải trí cao cấp, sân golf, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Công ty có 01 công ty con được hợp nhất Báo cáo tài chính tại thời điểm ngày 30/06/2023, như sau:

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt (TVB)	Hà Nội	50,47%	50,47%	Hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty và công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 được lập nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính; Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất; Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty thì báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Các giao dịch và số dư phát sinh từ các giao dịch giữa công ty con và công ty mẹ được loại trừ toàn bộ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của các công ty con hợp nhất bao gồm: lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cũng được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt.

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty và công ty con tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ.

4.4. Các khoản đầu tư tài chính***Chứng khoán kinh doanh***

Phản ánh giá trị các khoản chứng khoán (cổ phiếu, trái phiếu) và các công cụ tài chính khác (chứng chỉ quỹ, quyền mua cổ phần, chứng quyền, quyền chọn mua, quyền chọn bán, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi, thương phiếu, hối phiếu...) nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh, bao gồm giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Cổ tức của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Cổ tức được chia cho giai đoạn sau ngày chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, riêng cổ tức nhận được bằng cổ phiếu do công ty cổ phần sử dụng thẳng dư vốn cổ phần, các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để phát hành thêm cổ phiếu (chia cổ tức bằng cổ phiếu), Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và giá trị khoản đầu tư vào công ty cổ phần.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc (giá trị ghi sổ) và giá trị thị trường của các loại chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh được trích lập phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh (tính theo từng loại chứng khoán), giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

4.5. Phải thu về cho vay

Phản ánh các khoản cho vay bằng khế ước, hợp đồng, thỏa thuận vay giữa hai bên có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) tại thời điểm báo cáo. Các khoản cho vay được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Lãi cho vay được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính khi phát sinh.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản cho vay để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Dự phòng đối với các khoản cho vay có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự phải thu khó đòi theo thuyết minh số 4.6.

4.6. Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo yêu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu của khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; phải thu từ các hợp đồng hợp tác đầu tư; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với các quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 07
Thiết bị quản lý	03 - 07
Tài sản cố định khác	03 - 05

4.8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị các chương trình phần mềm quản lý giao dịch và phần mềm kế toán. Các chương trình phần mềm được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

4.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh bao gồm tiền thuê văn phòng, tiền sửa chữa văn phòng, giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Trong đó:

- Tiền thuê văn phòng được Công ty phân bổ dần vào kết quả kinh doanh theo thời gian trả trước tiền thuê;
- Tiền sửa chữa văn phòng được Công ty phân bổ trong thời gian 1 năm (ngắn hạn) hoặc 3 năm (dài hạn) tùy thuộc vào mức độ sửa chữa từng lần.
- Giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng được Công ty được phân bổ trong thời gian không quá 03 năm (dài hạn) và không quá 1 năm (ngắn hạn);

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng hoặc thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là phải trả dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay; chi phí phải trả khác..., trong đó chi phí lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế từng kỳ theo từng khế ước vay;

4.12. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính của Công ty bao gồm các khoản đi vay và vay vốn theo phương thức phát hành trái phiếu thường ngang giá (phát hành trái phiếu với giá đúng bằng mệnh giá của trái phiếu).

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì số chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu kinh doanh chứng khoán bao gồm một số dịch vụ chính như sau:

- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán;
- Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán;
- Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính;
- Lãi từ các khoản cho vay và phải thu;
- Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ lãi tiền gửi, tiền cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác, cụ thể như sau:

- Lãi tiền gửi ngân hàng được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế được quy định trong từng Hợp đồng tiền gửi.
- Lãi từ bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận từng ngày và theo từng sản phẩm giao dịch chứng khoán là số chênh lệch giữa tổng giá trị chứng khoán bán ra trong ngày cao hơn giá vốn tương ứng; trong đó giá vốn là giá trị ghi sổ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền, giá bán là giá khớp lệnh trong giao dịch đặt lệnh bán chứng khoán.
- Lãi từ các hợp đồng hợp tác đầu tư được xác định trên cơ sở lãi suất cố định trong từng hợp đồng và thời gian hợp tác đầu tư. Các khoản lãi này có thể thay đổi khi hai bên có thỏa thuận khác.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức, lợi nhuận.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.16. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuế tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Công ty chưa trình bày các thuyết minh liên quan đến công cụ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

4.17. Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: Những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	3.500.000.000	2.589.712
Tiền gửi ngân hàng	55.435.334.745	52.734.624.320
Các khoản tương đương tiền (*)	265.000.000.000	50.000.000.000
Cộng	323.935.334.745	102.737.214.032

(*) Là các chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Hà và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt - công ty con của Công ty.

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán tại TVB	2.084.599.478	8.783.902.608
Cho vay hoạt động giao dịch ký quỹ tại TVB	52.949.586.799	369.788.247.840
Cộng	55.034.186.277	378.572.150.448

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	1.093.054.147	2.322.126.500
Chi phí công cụ, dụng cụ	18.317.814	201.283.828
Chi phí thuê văn phòng	448.500.000	-
Chi phí trả trước khác	626.236.333	2.120.842.672
Dài hạn	1.580.284.244	3.039.793.735
Chi phí công cụ, dụng cụ	14.734.713	32.371.521
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	1.528.967.206	2.967.407.035
Chi phí trả trước khác	36.582.325	40.015.179
Cộng	2.673.338.391	5.361.920.235

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2023	8.983.800.575
Tại ngày 30/06/2023	8.983.800.575
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2023	7.954.704.073
Khấu hao trong kỳ	470.875.000
Tại ngày 30/06/2023	8.425.579.073
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2023	1.029.096.502
Tại ngày 30/06/2023	558.221.502
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	4.506.400.575

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ VIỆT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN/HN

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2023	2.976.350.001	6.776.045.182	170.692.454	524.276.148	10.447.363.785
Tại ngày 30/06/2023	2.976.350.001	6.776.045.182	170.692.454	524.276.148	10.447.363.785
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2023	2.838.959.345	3.594.691.696	41.689.562	490.429.148	6.965.769.751
Khấu hao trong kỳ	44.471.284	442.662.384	18.921.277	11.143.000	517.197.945
Tại ngày 30/06/2023	2.883.430.629	4.037.354.080	60.610.839	501.572.148	7.482.967.696
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2023	137.390.656	3.181.353.486	129.002.892	33.847.000	3.481.594.034
Tại ngày 30/06/2023	92.919.372	2.738.691.102	110.081.615	22.704.000	2.964.396.089
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	2.564.230.501	-	-	467.516.148	3.031.746.649

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ VIỆT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Mẫu số B09a - DN/HN

10. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	807.126.734.786	(512.385.208.881)	821.489.880.235	(512.385.208.881)
- Bà Vũ Thị Thu Thủy (tiền nhận chuyển nhượng trái phiếu)	50.160.849.315	-	50.160.849.315	-
- Tạm ứng	2.119.957.085	-	2.502.424.215	-
- Đặt cọc, ký cược, ký quỹ	221.511.141	-	221.511.141	-
- Đặt cọc Hợp đồng môi giới mua chứng khoán (1)	476.975.000.000	(336.483.000.000)	480.690.000.000	(336.483.000.000)
+ Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Vĩnh Thành	177.195.000.000	(126.637.000.000)	180.910.000.000	(126.637.000.000)
+ Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Việt Bắc	162.320.000.000	(113.624.000.000)	162.320.000.000	(113.624.000.000)
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư Mạnh Cường	137.460.000.000	(96.222.000.000)	137.460.000.000	(96.222.000.000)
- Phải thu của các Hợp đồng hợp tác đầu tư (2)	269.859.000.000	(170.389.800.000)	272.814.000.000	(170.389.800.000)
+ Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Rừng Việt	67.920.000.000	(48.244.000.000)	68.920.000.000	(48.244.000.000)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Gió Mới	123.869.000.000	(87.145.800.000)	124.494.000.000	(87.145.800.000)
+ Công ty Cổ phần Tcapital	48.670.000.000	(35.000.000.000)	50.000.000.000	(35.000.000.000)
+ Ông Trịnh Huy Bình	29.400.000.000	-	29.400.000.000	-
- Các khoản lãi phải thu	2.888.540.365	(610.532.001)	5.050.718.684	(610.532.001)
+ Lãi dự thu hợp đồng hợp tác đầu tư	412.641.066	-	412.641.066	-
+ Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu	392.027.397	-	16.438.355	-
+ Phải thu tiền lãi cho vay giao dịch ký quỹ	1.938.711.902	(610.532.001)	4.621.639.263	(610.532.001)
+ Phải thu cổ tức	145.160.000	-	-	-
- Phải thu tiền bán chứng khoán khớp lệnh tại T+0	-	-	5.148.500.000	-
- Ông Phạm Thanh Thái Linh	4.201.434.268	(4.201.434.268)	4.201.434.268	(4.201.434.268)
- Bà Nguyễn Thị Phương Vân	700.442.612	(700.442.612)	700.442.612	(700.442.612)
- Phải thu khác	-	-	-	-
Dài hạn	13.836.872.368	-	11.954.583.403	-
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ dài hạn	450.321.016	-	605.002.595	-
Quỹ hỗ trợ thanh toán	13.386.551.352	-	11.349.580.808	-
Cộng	820.963.607.154	(512.385.208.881)	833.444.463.638	(512.385.208.881)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ VIỆT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN/HN

(1): Khoản đặt cọc cho các đối tác trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt - Công ty con theo Hợp đồng môi giới mua, bán chứng khoán nhằm mục đích nghiên cứu và tìm kiếm các cơ hội đầu tư thông qua tìm kiếm các khách hàng có nhu cầu bán các loại chứng khoán để tư vấn cho Công ty. Thời hạn thực hiện hợp đồng là 01 năm kể từ ngày ký, hiện nay một số hợp đồng đã đến hạn thanh toán. Việc đàm phán và ký kết hợp đồng với các đối tác này do các cá nhân trong Ban Lãnh đạo cũ của Công ty này trực tiếp thực hiện. Do các sự kiện pháp lý xảy ra đối với các cá nhân trong Ban Lãnh đạo cũ của Công ty này trong năm 2022 và 2023; Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đánh giá Công ty sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc thu hồi các khoản tiền đặt cọc nói trên. Sau khi phân tích và đánh giá một cách thận trọng, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc quyết định trích lập dự phòng tổn thất với tỷ lệ khoảng 70% số dư nợ của các khoản phải thu nói trên.

(2): Các khoản phải thu từ Hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty và các đối tác với thời hạn không quá 365 ngày kể từ ngày Công ty chuyển tiền hợp tác đầu tư, hiện tại một số hợp đồng đã đến hạn thanh toán. Công ty được hưởng mức lợi nhuận cố định theo từng hợp đồng, không phụ thuộc vào kết quả đầu tư kinh doanh của bên nhận đầu tư. Việc đàm phán và ký kết hợp đồng với các đối tác này do các cá nhân trong Ban Lãnh đạo cũ của Công ty trực tiếp thực hiện. Do các sự kiện pháp lý xảy ra đối với các cá nhân trong Ban Lãnh đạo cũ của Công ty trong năm 2022 và 2023; Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty sẽ gặp khó khăn trong việc thu hồi các khoản phải thu nêu trên. Sau khi phân tích và đánh giá một cách thận trọng, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc quyết định trích lập dự phòng tổn thất với tỷ lệ khoảng 70% số dư nợ của một số khoản phải thu (không bao gồm khoản phải thu Ông Trịnh Huy Bình).

Trong năm 2023, Công ty và các đối tác đã làm việc và thống nhất không tính lãi với các hợp đồng hợp tác đầu tư nêu trên kể từ ngày 01/01/2023 cho đến khi thu hồi hết khoản tiền gốc hợp tác hoặc trong trường hợp Công ty có thông báo thay thế.

11. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
+ HPG	833.017.358.142	726.084.247.200	(106.933.110.942)	897.365.793.746
+ FPT	273.252.154.807	300.845.458.000	-	289.355.296.896
+ MWG	69.689.000.000	67.851.100.000	(1.837.900.000)	70.286.182.920
+ Các mã khác	44.446.971.191	49.264.543.900	(3.250.342.996)	44.450.217.282
Cộng	1.220.405.484.140	1.144.045.349.100	(112.021.353.938)	1.301.457.490.844
				926.062.541.500
				(375.405.555.828)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ VIỆT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Mẫu số B09a - DN/HN

12. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

30/06/2023						01/01/2023			
Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng		
Năm	VND	VND	VND	Năm	VND	VND	VND		
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Vĩnh Thành	(*) 177.195.000.000	50.558.000.000	(126.637.000.000)	(*)	180.910.000.000	54.273.000.000	(126.637.000.000)		
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Việt Bắc	(*) 162.320.000.000	48.696.000.000	(113.624.000.000)	(*)	162.320.000.000	48.696.000.000	(113.624.000.000)		
Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư Mạnh Cường	(*) 137.460.000.000	41.238.000.000	(96.222.000.000)	(*)	137.460.000.000	41.238.000.000	(96.222.000.000)		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Gió Mới	(*) 123.869.000.000	36.723.200.000	(87.145.800.000)	(*)	124.494.000.000	37.348.200.000	(87.145.800.000)		
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Rồng Việt	(*) 67.920.000.000	19.676.000.000	(48.244.000.000)	(*)	68.920.000.000	20.676.000.000	(48.244.000.000)		
Công ty Cổ phần Tcapital	(*) 48.670.000.000	13.670.000.000	(35.000.000.000)	(*)	50.000.000.000	15.000.000.000	(35.000.000.000)		
Công ty Cổ phần thế giới Trần Anh	> 3 năm 154.176.750	-	(154.176.750)	> 3 năm	154.176.750	-	(154.176.750)		
Công ty CP giải pháp phần mềm Legatex	> 3 năm 45.000.000	-	(45.000.000)	> 3 năm	45.000.000	-	(45.000.000)		
Ông Phạm Thành Thái Lĩnh	> 3 năm 4.201.434.268	-	(4.201.434.268)	> 3 năm	4.201.434.268	-	(4.201.434.268)		
Bà Nguyễn Thị Phương Vân	> 3 năm 700.442.612	-	(700.442.612)	> 3 năm	700.442.612	-	(700.442.612)		
Phải thu đối tượng khác	> 3 năm 63.000.000	-	(63.000.000)	> 3 năm	63.000.000	-	(63.000.000)		
Dự phòng phải thu về cho vay margin tại TVB	> 3 năm 4.615.187.750	-	(4.615.187.750)	> 3 năm	4.615.187.750	-	(4.615.187.750)		
Dự phòng phải thu về lãi cho vay margin tại TVB	> 3 năm 610.532.001	-	(610.532.001)	> 3 năm	610.532.001	-	(610.532.001)		
Cộng	727.823.773.381	210.561.200.000	(517.262.573.381)		734.493.773.381	217.231.200.000	(517.262.573.381)		

(*) Các khoản dự phòng được trích lập theo đánh giá của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty (chi tiết xem tại Thuyết minh số 10).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ VIỆT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN/HN

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2023		Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2023	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	13.702.044	32.911.098	46.136.493	-	476.649
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.981.977.551	580.666.431	-	1.382.000.000	2.783.311.120	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.912.501.942	4.430.216.020	5.379.240.303	-	963.477.659
Các loại thuế khác	-	1.629.672.713	8.000.000	8.000.000	-	1.629.672.713
Cộng	1.981.977.551	4.136.543.130	4.471.127.118	6.815.376.796	2.783.311.120	2.593.627.021

14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN

	01/01/2023				Trong kỳ				30/06/2023	
	Giá trị		Số có khả năng trả nợ		Vay trong kỳ		Trả trong kỳ		Giá trị	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	Số có khả năng trả nợ VND
Trái phiếu ngắn hạn	161.880.000.000	161.880.000.000	161.880.000.000	161.880.000.000	-	153.820.000.000	8.060.000.000	8.060.000.000	8.060.000.000	8.060.000.000
Trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả (1)	161.880.000.000	161.880.000.000	161.880.000.000	161.880.000.000	-	153.820.000.000	8.060.000.000	8.060.000.000	8.060.000.000	8.060.000.000
Cộng	161.880.000.000	161.880.000.000	161.880.000.000	161.880.000.000	-	153.820.000.000	8.060.000.000	8.060.000.000	8.060.000.000	8.060.000.000

(1) Trái phiếu phát hành bao gồm:

Trái phiếu	Loại trái phiếu	Số lượng phát	Mệnh giá (VND)	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn trái phiếu	Số dư tại ngày 30/06/2023 (VND)
1. Tái Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý tài sản Trí Việt						
Trái phiếu T-corp 8	Trái phiếu doanh nghiệp không có quyền chuyển đổi và không có tài sản đảm bảo	8.157	10.000.000	10,53%	Kỳ hạn 36 tháng, thanh toán lãi 6 tháng/lần. Mua lại vào 12, 18, 24, 30 tháng kể từ ngày phát hành nếu trái chủ yêu cầu. Công ty đã mua lại trước hạn một phần trái phiếu phát hành	7.020.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ VIỆT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN/HN

Trái phiếu	Loại trái phiếu	Số lượng phát	Mệnh giá (VND)	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn trái phiếu	Số dư tại ngày 30/06/2023 (VND)
2. Tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt (công ty con)						
Trái phiếu Tcorp 6.1 (đợt 2)	Trái phiếu doanh nghiệp không có quyền chuyển đổi và không có tài sản đảm bảo	7.228	10.000.000	10,53%	Kỳ hạn 36 tháng, thanh toán lãi 6 tháng/lần. Mua lại vào 12, 18, 24, 30 tháng kể từ ngày phát hành nếu trái chủ yêu cầu. Công ty đã mua lại trước hạn một phần trái phiếu phát hành	1.040.000.000
Cộng						8.060.000.000

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÁN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Lãi tiền đặt cọc mua trái phiếu và lãi trái phiếu phải trả	75.363.067	2.386.363.707
Trích thường người lao động	782.266.417	1.393.080.452
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	244.477.671	1.979.141.793
Cộng	1.102.107.155	5.758.585.952

16. PHẢI TRẢ NGÁN HẠN KHÁC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Các khoản trích theo lương	804.087.093	704.038.593
Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (*)	-	14.156.982.509
Phải trả, phải nộp khác	1.526.659.213	2.075.294.081
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	168.930.323	357.565.191
- Cổ tức phải trả	1.180.273.687	1.180.273.687
- Phải trả, phải nộp khác	177.455.203	537.455.203
Cộng	2.330.746.306	16.936.315.183

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ VIỆT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN/HN

(*): Lợi ích nhận được từ các hợp đồng hợp tác đầu tư phải nộp sung quỹ Nhà nước nhằm khắc phục hậu quả của vụ án thao túng thị trường chứng khoán xảy ra tại Công ty Cổ phần Louis Holdings, Công ty Cổ phần Louis Capital, Công ty Cổ phần Louis Land và Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt. Công ty đã nộp số tiền này vào ngày 20/04/2023.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng biến động tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu		CL đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác của chủ sở hữu		LN sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng
	VND		VND	VND		VND	VND	VND		VND		VND		VND
Tại ngày 01/01/2022	1.186.106.700.000	52.437.300.000	33.274.816.400	(11.431.351.610)	3.672.609.748	3.478.355.254	512.392.064.995	676.990.742.100	2.456.921.236.887					
Tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-	1.169.655.429					1.169.655.429
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	20.044.363.801	20.044.363.801	(60.310.546.606)	-	(20.221.819.004)					
Lỗi trong năm	-	-	-	-	-	-	(682.697.648.223)	(204.176.766.413)	(886.874.414.636)					
Tăng/(Giảm) khác	-	-	-	-	11.431.351.610	3.302.037.478	(3.302.037.476)	11.201.568.057	22.632.919.669					
Chi trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	(55.439.105.000)	(55.439.105.000)					
Tại ngày 01/01/2023	1.186.106.700.000	52.437.300.000	33.274.816.400	-	23.716.973.549	26.824.756.533	(233.918.167.310)	429.746.094.173	1.518.188.473.345					
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	221.002.481.060	20.440.032.904	241.442.513.964					
Tại ngày 30/06/2023	1.186.106.700.000	52.437.300.000	33.274.816.400	-	23.716.973.549	26.824.756.533	(12.915.686.250)	450.186.127.077	1.759.630.987.309					

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH MTV Tùng Trí Việt	160.214.630.000	13,51%	160.214.630.000	13,51%
Ông Phạm Thanh Tùng	83.901.340.000	7,07%	83.901.340.000	7,07%
Các cổ đông khác	941.990.730.000	79,42%	941.990.730.000	79,42%
Cộng	1.186.106.700.000	100%	1.186.106.700.000	100%

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	1.186.106.700.000	1.186.106.700.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	1.186.106.700.000	1.186.106.700.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	30/06/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	118.610.670	118.610.670
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	118.610.670	118.610.670
- Cổ phiếu phổ thông	118.610.670	118.610.670
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	118.610.670	118.610.670
- Cổ phiếu phổ thông	118.610.670	118.610.670
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng/Cổ phiếu	10.000	10.000

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	29.878.468.788	92.818.445.532
- Lãi từ các tài sản tài chính FVTPL	3.082.413.428	4.346.438.935
- Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	20.129.169.164	49.313.127.107
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	6.206.965.217	29.691.293.061
- Doanh thu lưu ký chứng khoán, khác	459.920.979	9.467.586.429
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư tài chính	-	175.000.000
Doanh thu hoạt động khác	203.950.887	1.033.692.785
Cộng	30.082.419.675	94.027.138.317

Doanh thu đối với bên liên quan:

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Công ty Cổ phần Kinh doanh bất động sản Trí Việt	-	156.818.182

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Giá vốn hoạt động kinh doanh chứng khoán	13.014.687.352	20.281.510.064
- Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL	4.727.278.000	691.802.872
- Giá vốn hoạt động môi giới chứng khoán	7.658.096.184	18.646.811.560
- Giá vốn nghiệp vụ lưu ký chứng khoán, khác	629.313.168	942.895.632
Giá vốn hoạt động khác	16.701.588	434.444.550
Cộng	13.031.388.940	20.715.954.614

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	260.903.838	8.076.609.712
Lãi mua, bán chứng khoán kinh doanh	18.431.118	3.930.851.025
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.390.000	14.078.490.500
Lãi trái phiếu	-	1.532.301.370
Lãi hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán	-	9.067.839.490
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	3.694.653.279
Cộng	284.724.956	40.380.745.376

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Chi phí lãi vay	4.857.967.734	30.962.834.236
Lỗ kinh doanh chứng khoán	10.487.884.572	1.326.324.419
(Hoàn nhập)/ Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(263.384.201.890)	299.400.522.235
Chi phí tài chính khác	144.629.431	509.398.366
Cộng	(247.893.720.153)	332.199.079.256

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	22.795.480.348	31.149.268.803
Chi phí nhân viên	12.894.367.614	16.385.691.867
Chi phí vật liệu quản lý	1.721.691.541	1.062.471.194
Chi phí khấu hao tài sản cố định	988.072.945	1.058.591.769
Thuế, phí và lệ phí	100.780.423	341.761.645
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.485.429.349	11.808.901.994
Chi phí khác bằng tiền	570.129.959	421.929.181
Lợi thế thương mại phân bổ trong kỳ	35.008.517	69.921.153
Chi phí bán hàng	276.583.105	2.389.853.379
Chi phí nhân viên	253.257.387	1.981.089.230
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.722.745	330.520.744
Chi phí khác bằng tiền	21.602.973	78.243.405
Cộng	23.072.063.453	33.539.122.182

23. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Tiền phạt thu được tại TVB	-	1.746.767.000
Thu nhập từ thanh lý thiết bị, đồ dùng văn phòng	45.454.545	9.090.909
Các khoản thu nhập khác	336	96.918
Cộng	45.454.881	1.755.954.827

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ VIỆT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B09a - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Phạt vi phạm hành chính BHXH, UBCK, thuế	-	310.355.152
Chi phí thanh lý thiết bị, đồ dùng văn phòng	759.189.011	-
Các khoản chi phí khác	1.164.297	50.000.921
Cộng	760.353.308	360.356.073

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	7.539.545.867
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	7.539.545.867

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	221.002.481.060	(226.321.930.308)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	221.002.481.060	(226.321.930.308)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	118.610.670	118.610.670
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.863	(1.908)

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Để phục vụ cho mục đích quản lý, Công ty được tổ chức theo từng đơn vị kinh doanh dựa trên sản phẩm và dịch vụ mà các đơn vị này cung cấp. Theo đó, Công ty thực hiện báo cáo theo 2 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm: Cung cấp dịch vụ và kinh doanh chứng khoán, cụ thể như sau:

Kỳ này

Chỉ tiêu	Dịch vụ	Chứng khoán	Bút toán hợp nhất	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu theo bộ phận	203.950.887	29.906.792.045	(28.323.257)	30.082.419.675
Giá vốn theo bộ phận	16.701.588	13.014.687.352	-	13.031.388.940
Chi phí bán hàng	276.583.105	-	-	276.583.105
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.471.916.050	16.288.555.781	35.008.517	22.795.480.348
Lợi nhuận hoạt động tài chính	242.075.297.163	40.477.922.562	(34.374.774.616)	248.178.445.109
Lợi nhuận khác	(714.898.759)	332	-	(714.898.427)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	234.799.148.548	41.081.471.806	(34.438.106.390)	241.442.513.964

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ VIỆT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B09a - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Kỳ so sánh

Chỉ tiêu	Dịch vụ	Chứng khoán	Bút toán hợp nhất	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu theo bộ phận	1.208.692.785	93.776.038.617	(957.593.085)	94.027.138.317
Giá vốn theo bộ phận	435.842.420	20.281.510.064	(1.397.870)	20.715.954.614
Chi phí bán hàng	2.389.853.379	-	-	2.389.853.379
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.905.375.779	24.173.971.872	69.921.152	31.149.268.803
Lợi nhuận hoạt động tài chính	(128.059.403.217)	(108.138.769.877)	(55.620.160.786)	(291.818.333.880)
Lợi nhuận khác	(50.000.920)	1.445.599.674	-	1.395.598.754
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(136.631.782.930)	(57.372.613.522)	(56.646.277.153)	(250.650.673.605)

28. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan có giao dịch và số dư với Công ty trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối liên hệ
Công ty TNHH MTV Tùng Trí Việt	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản Trí Việt	Chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Luật TNHH Nguyễn Nga và cộng sự	Tổ chức có liên quan với thành viên HĐQT
Công ty Luật TNHH Hà Ninh	Tổ chức có liên quan với thành viên HĐQT

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính hợp nhất này, trong kỳ Công ty có giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

Số dư với các bên liên quan:

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền gửi giao dịch chứng khoán		
Công ty TNHH MTV Tùng Trí Việt	24.964.963	24.812.834
Chi phí phải trả		
Công ty Luật TNHH Nguyễn Nga và cộng sự	50.000.000	200.000.000
Công ty Luật TNHH Hà Ninh	-	864.000.000

Giao dịch với các bên liên quan:

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Tùng Trí Việt		
Thu tiền thoái vốn tại Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản Trí Việt	-	50.853.000.000
Lãi tiền gửi nhà đầu tư	12.556	723.618
Phí lưu ký	429	7.774.519
Phí mua, bán chứng khoán, phí chuyển khoản	-	44.990.975
Công ty Luật TNHH Hà Ninh		
Mua hàng hóa, dịch vụ	50.000.000	-
Cổ tức đã trả cho cổ đông cá nhân là thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	-	4.140.413.000

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ so sánh</u> VND
Bà Phạm Thị Thanh Huyền	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 16/03/2023)	561.911.111	-
Ông Phạm Thanh Tùng (*)	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 15/03/2023)	55.555.555	325.520.000
(*) Khoản tiền thưởng của năm 2022			
Bà Phạm Thanh Hoa	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 15/03/2023)	282.240.000	-
Ông Nguyễn Tiến Sơn	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 09/07/2022)	-	36.000.000
Ông Nguyễn Phi Khanh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 09/07/2022)	-	33.333.330
Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Thành viên HĐQT	133.333.332	33.333.330
Bà Nguyễn Thị Đình Hương	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 02/06/2023)	128.282.827	-
Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 15/03/2023)	55.555.555	-
Bà Nguyễn Thị Hằng	Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 30/01/2023)	579.069.018	-
Ông Đỗ Thanh Hà	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 30/01/2023)	50.000.000	1.235.796.662
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 21/4/2022)	-	327.383.333
Cộng		1.845.947.398	1.991.366.655

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 05/07/2023, Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chi nhánh này đã chính thức giải thể từ ngày 09/08/2023 theo Thông báo của Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

30. THÔNG TIN BỔ SUNG

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ/TVC ngày 24/06/2023 của Công ty đã thông qua việc mua lại cổ phiếu để giảm vốn điều lệ với số lượng cổ phiếu mua lại tối đa là 10.000.000 cổ phiếu, phương thức giao dịch mua lại là khớp lệnh hoặc thỏa thuận. Theo Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐQT/TVC ngày 13/07/2023 của Hội đồng quản trị về việc triển khai thực hiện phương án mua lại cổ phiếu để giảm vốn điều lệ, tổng khối lượng cổ phiếu đăng ký mua lại đợt 1 là 5.000.000 cổ phiếu; thời gian giao dịch dự kiến vào quý III, quý IV năm 2023. Hiện tại, Công ty đang triển khai thực hiện các nội dung theo Nghị quyết này.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ/TVB ngày 17/06/2023 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt - Công ty con của Công ty đã thông qua việc mua lại cổ phiếu để giảm vốn điều lệ với số lượng cổ phiếu mua lại tối đa là 5.000.000 cổ phiếu, phương thức giao dịch mua lại là khớp lệnh hoặc thỏa thuận. Theo Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐQT/TVB ngày 14/07/2023 của Hội đồng quản trị Công ty này về việc triển khai thực hiện phương án mua lại cổ phiếu để giảm vốn, theo đó, tổng khối lượng cổ phiếu đăng ký mua lại đợt 1 là 2.300.000 cổ phiếu. Thời gian giao dịch dự kiến vào quý III, quý IV năm 2023. Hiện nay, Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt đang triển khai thực hiện các nội dung theo Nghị quyết này.

31. THÔNG TIN KHÁC

Theo kết luận tại Bản án số 197/2023/HS-ST ngày 12/5/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, các cá nhân vi phạm chịu trách nhiệm hình sự và dân sự liên quan; Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt chịu trách nhiệm dân sự nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 14.156.982.509 đồng lợi ích nhận được từ các hợp đồng hợp tác đầu tư có liên quan, Công ty đã điều chỉnh hồi tố vào Báo cáo tài chính năm 2021 liên quan đến số tiền nói trên. Khoản tiền này đã được Công ty nộp vào ngày 20/04/2023. Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt không phát sinh các nghĩa vụ tài chính/pháp lý nào từ sự kiện nêu trên. Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, Công ty đã kiện toàn tổ chức hoạt động và nhân sự, tái cơ cấu hoạt động kinh doanh, ổn định tình hình tài chính. Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định vấn đề nêu trên không ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty.

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán chuyển sang.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 đã được soát xét.

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Người lập



Lê Thị Chinh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Thủy

Tổng giám đốc



Nguyễn Thị Hằng